

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

- Lớp: BS YHCT19

- Học kỳ: 5

- Ngành: YHCT

- Học phần: Xoa bóp - Bấm huyệt

- Ngày thi: 16 / 02 / 2022

- Khóa: 2019-2025

- Năm học: 2021-2022

- Hệ: Chính quy

- Mã học phần: 1001006806

- Giờ thi: 14g30 - Phòng thi: PM 3B

TT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	10097	311194122	Lê Thị Hạnh Nhi	08/04/2000	10			
2	10098	311194125	Trần Thị Yên Nhi	14/11/2001	11			
3	10099	311194126	Văn Thảo Nhi	01/05/2001	11			
4	10100	311194002	Vy Thị Ý Nhi	02/10/2000	11			
5	10101	311194127	Nguyễn Xuân Nhị	01/01/2001	11			
6	10102	311194128	Nguyễn Thị Khiêm Nhu	09/03/2001	11			
7	10103	311194129	Đỗ Huỳnh Như	06/06/2001	11			
8	10104	311194130	Đỗ Thị Huỳnh Như	25/11/2001	11			
9	10105	311194131	Đỗ Thị Hồng Nhung	25/08/2001	11			
10	10106	311194132	Nguyễn Tuyết Nhung	06/11/2001	11			
11	10107	311194134	Tô Phan Tấn Phát	12/02/2001	12			
12	10108	311194135	Phan Thanh Phú	01/01/2001	12			
13	10109	311194138	Nguyễn Kim Phụng	03/09/2001	12			
14	10110	311194139	Đặng Ngọc Phước	04/01/2001	12			
15	10112	311194140	Hoàng Lưu Linh Phương	24/04/2001	12			
16	10113	311194141	Lê Thị Đông Phương	24/11/2001	12			
17	10114	311194142	Nguyễn Trúc Phương	21/03/2001	12			
18	10115	311194143	Trịnh Mai Phương	28/06/2001	13			
19	10116	311194144	Nguyễn Ngọc Phụng	23/07/2001	13			
20	10117	311194145	Thái Thị Bích Phụng	08/02/2001	13			
21	10118	311194147	Hứa Nhật Quang	19/09/2000	13			
22	10119	311194148	Lê Đức Quang	23/09/1998	13			
23	10120	311194149	Nguyễn Linh Quang	20/06/2001	13			
24	10121	311194150	Nguyễn Nhật Quang	12/09/2001	13			

TT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
25	10122	311194151	Đào Thị Thanh	Quyên	15/01/2001	13		
26	10123	311194152	Đỗ Lê Thụy Như	Quỳnh	20/09/2000	14		
27	10124	311194153	Mai Xuân	Quỳnh	19/10/2001	14		
28	10125	311194154	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/07/2001	14		
29	10126	311194155	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	11/09/2001	14		
30	10127	311194156	Phan Như	Quỳnh	06/05/2001	14		
31	10128	311194157	Đồng Đăng Xuân	Sang	16/07/2000	14		
32	10129	311194158	Nguyễn Thị Thanh	Sang	02/01/2001	14		
33	10130	311194159	Nguyễn Đăng Minh	Siêng	10/05/2001	14		
34	10131	311194160	Đặng Thanh	Tâm	20/09/2001	14		
35	10132	311194161	Lê Thị Thanh	Tâm	12/02/2001	14		
36	10133	311194165	Bùi Văn	Thái	05/04/2000	15		
37	10134	311194166	La Chí	Thanh	21/12/2001	15		
38	10135	311194005	Hoàng Long	Thành	29/12/2000	15		
39	10136	311194167	Vương Chí	Thạnh	03/01/2001	15		
40	10137	311194168	Đoàn Thị Phương	Thảo	09/05/2001	15		
41	10138	311194169	Lê Thị Thu	Thảo	13/02/2001	15		
42	10139	311194170	Nguyễn Ngọc Như	Thảo	30/10/2001	15		
43	10140	311194171	Nguyễn Thị	Thảo	15/01/2000	15		
44	10141	311194172	Thành Nữ Phương	Thảo	20/11/2001	15		
45	10142	311194173	Võ Thị Phương	Thi	15/01/2001	15		
46	10143	311194174	Nguyễn Ngọc Nhã	Thiên	19/07/2001	16		
47	10144	311194175	Đoàn Diệu	Thiện	12/04/2000	16		
48	10145	311194176	Nguyễn Hồ Trường	Thịnh	11/08/2001	16		
49	10146	311194177	Nguyễn Lê Quốc	Thịnh	11/10/2001	16		
50	10147	311194178	Lê Hoàng Anh	Thư	06/01/2001	16		
51	10148	311194179	Mai Nhật Anh	Thư	02/10/2000	16		
52	10149	311194182	Phan Thị Hoài	Thương	24/11/2000	16		
53	10150	311194183	Châu Thị Thanh	Thúy	07/08/2001	16		
54	10151	311194184	Trần Nhật	Thúy	28/06/2001	16		
55	10152	311194185	Võ Thị Diễm	Thúy	13/03/2001	16		
56	10153	311194186	Nguyễn Xuân	Thùy	30/04/1999	17		
57	10154	311194187	Nguyễn Thị Hải	Tiên	17/06/2001	17		

TT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
58	10155	311194190	Quách Phú Toàn	24/11/2001	17			
59	10156	311194191	Vương Vĩnh Toàn	19/10/2001	17			
60	10157	311194192	Đỗ Ngọc Bảo Trâm	29/06/2001	17			
61	10158	311194193	Võ Nguyễn Thùy Trâm	03/02/2001	17			
62	10159	311194194	Nguyễn Thị Huyền Trân	15/06/2001	17			
63	10160	311194195	Nguyễn Thị Ngọc Trân	07/09/2001	17			
64	10161	311194197	Đỗ Hoàng Phương Trinh	30/05/2001	17			
65	10162	311194198	Phan Thị Lan Trinh	27/08/2001	18			
66	10163	311194199	Trần Thị Thu Trinh	14/10/2001	18			
67	10164	311194200	Trần Việt Trinh	13/08/2001	18			
68	10165	311194202	Trần Quang Tú	15/09/2001	18			
69	10166	311194203	Đặng Hồ Anh Tuấn	24/10/2001	18			
70	10167	311194205	Đoàn Thanh Tùng	03/04/2001	18			
71	10168	311194206	Nguyễn Thanh Tùng	20/10/2001	18			
72	10169	311194207	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/02/2001	18			
73	10170	311194208	Châu Thị Thê Uyên	20/03/2001	18			
74	10171	311194209	Nguyễn Phương Uyên	10/01/2001	18			
75	10172	311194211	Nguyễn Phan Thanh Vân	04/02/2001	19			
76	10173	311194212	Vương Thị Thanh Vân	03/04/2001	19			
77	10174	311194213	Hồ Phan Đan Vi	10/10/2001	19			
78	10175	311194214	Phạm Đỗ Thảo Vi	23/10/2001	19			
79	10176	311194215	Lê Sĩ Vĩ	20/04/2001	19			
80	10177	311194216	Trần Lan Phượng Vĩ	26/08/2001	19			
81	10178	311194217	Trần Tú Viên	02/06/2001	19			
82	10179	311194218	Nguyễn Thành Vinh	07/10/2001	19			
83	10180	311194219	Bùi Thị Yến Vy	02/04/2001	19			
84	10181	311194220	Huỳnh Lâm Tường Vy	15/09/2001	19			
85	10182	311194221	Nguyễn Lệ Hà Vy	20/04/2001	20			
86	10183	311194222	Nguyễn Võ Bảo Vy	19/09/2001	20			
87	10184	311194223	Lê Hoàng Gia Vỹ	23/10/2001	20			
88	10185	311194224	Võ Hạnh Xuân	26/10/2001	20			
89	10186	311194225	Dương Trần Mỹ Ý	04/04/2001	20			
90	10187	311194226	Đoàn Thị Kim Yến	06/03/2001	20			

TT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
91	10188	311194227	Lê Phi Yên	15/05/2001	20			
92	10189	311194228	Nguyễn Hải Yên	28/01/2001	20			
93	10190	311194229	Nguyễn Hải Yên	03/09/2001	20			
94	10191	311184107	Nguyễn Tấn Tài	14/11/2000	20			
95	10192	311184125	Diệp Hoàng Thông	09/11/2000	20			

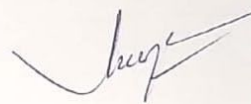
Số sinh viên dự thi: 95

Số bài/tờ giấy thi:

CÁN BỘ COI THI 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thu Nga